

THÔNG BÁO
Công khai số liệu thực hiện dự toán
ngân sách địa phương quý II năm 2021

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý II năm 2021, cụ thể như sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương quý II năm 2021 (chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN).
2. Thực hiện thu ngân sách nhà nước quý II năm 2021 (chi tiết theo biểu số 60/CK-NSNN).
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương quý II năm 2021 (chi tiết theo biểu số 61/CK-NSNN). ~~##~~

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, TH (A);
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Chức
Nguyễn Anh Chức

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2020	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.658.940	9.615.121	13.292.079	138	200
I	Thu cân đối NSNN	5.067.133	9.615.121	7.230.000	75	143
1	Thu nội địa	4.232.899	7.795.121	6.530.000	84	154
2	Thu cân đối từ hoạt động XNK	834.234	1.820.000	700.000	38	84
3	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	5.414.270	-	6.062.079		112
B	TỔNG CHI NSDP	4.309.586	9.621.232	5.026.600	52	117
I	Chi cân đối NSDP	3.831.334	7.562.038	4.348.800	58	114
1	Chi đầu tư phát triển	921.559	1.496.611	1.286.100	86	140
2	Chi thường xuyên	2.807.000	5.789.539	2.975.700	51	106
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.775	10.500	3.000		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
5	Dự phòng ngân sách	100.000	164.388	83.000	50	
6	Chi từ nguồn tăng thu	-	100.000	-	-	
II	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương		1.025.055	-		
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	478.252	1.034.139	677.800	66	142
C	BỘI CHI NSDP	97.659	171.900	85.900	50	88
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	17.500	9.538	5.000	52	29

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2020	DỰ TOÁN HẸND TỈNH GIAO NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2021	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.067.133	9.615.121	7.230.000	75	143
I	Thu nội địa	4.232.899	7.795.121	6.530.000	84	154
1	Thu từ khu vực DNNN	295.113	796.000	329.000	41	111
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.241.752	2.642.000	2.840.000	107	229
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	695.368	1.560.000	800.000	51	115
4	Thuế thu nhập cá nhân	323.571	550.000	350.000	64	108
5	Thuế bảo vệ môi trường	245.198	520.000	170.000	33	69
6	Lệ phí trước bạ	102.045	235.000	110.000	47	108
7	Các loại phí, lệ phí	128.878	282.800	140.000	50	109
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.006.149	906.000	1.586.000	175	158
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	250	-	-		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.201	11.000	6.000	55	115
-	Thu tiền sử dụng đất	922.771	800.000	1.500.000	188	163
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	77.927	95.000	80.000	84	103
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	83.921	163.000	100.000	61	119
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	8.781	17.000	18.000	106	205
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	10.166	25.000	7.000	28	69
13	Thu khác ngân sách	91.957	98.321	80.000	81	87
	Trong đó: Thu tiền BV&PT đất trồng lúa	28.866		40.000		139
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	834.234	1.820.000	700.000	38	84
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.026.591	7.373.721	6.363.400	86	158
1	Từ các khoản thu phân chia	2.443.161	5.382.045	4.623.896	86	189
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.583.430	1.991.676	1.739.504	87	110

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2021
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2020	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2021	THỰC HIỆN QUÝ II NĂM 2021	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	4.309.586	9.621.232	5.026.600	52	117
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	3.831.334	8.587.093	4.348.800	51	114
I	Chi đầu tư phát triển	921.559	1.496.611	1.286.100	86	140
II	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		1.025.055			
III	Chi thường xuyên	2.807.000	5.789.539	2.975.700	51	106
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.100.000	2.255.478	1.140.000	51	104
2	Chi khoa học và công nghệ	15.000	30.958	15.500	50	103
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	185.000	332.078	190.000	57	103
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	50.000	95.717	48.000	50	96
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	33.000	59.386	30.000	51	91
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	10.000	18.388	9.200	50	92
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	72.000	131.021	65.000	50	90
8	Chi sự nghiệp kinh tế	524.000	1.233.311	650.000	53	124
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	538.000	1.006.797	510.000	51	95
10	Chi bảo đảm xã hội	175.000	370.669	188.000	51	107
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.775	10.500	3.000	29	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách	100.000	164.388	83.000	50	83
VII	Chi từ nguồn tăng thu		100.000		-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	478.252	1.034.139	677.800	66	142
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	178.252	-			
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	232.000	943.145	497.000	53	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	68.000	90.994	180.800	199	